

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát thụ lý hồ sơ việc hôn nhân gia đình số 42/2021/TLST-VHNGĐ về việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1981.
- Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ thường trú: Tổ 20, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG HÒA GIẢI THÀNH:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình là ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lập vào ngày 11 tháng 01 năm 2021, nội dung hòa giải thành như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thiên N, sinh ngày 30/3/2009 cho bà Nguyễn Thị Trà M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Phạm Quốc T có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Phạm Thiên N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ông Phạm Quốc T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Nguyễn Thị Trà M và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều

468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Ngày 11/01/2021, ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi Hòa giải viên tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát tiến hành hòa giải thành và lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các đương sự thì thấy:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2021, ông Phạm Quốc T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Trà M, đề nghị Tòa án giải quyết quyền nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/01/2021, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã chuyển vụ việc sang hòa giải và chỉ định Hòa giải viên tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại năm 2020.

Hòa giải viên tiến hành hòa giải và lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành vào ngày 11 tháng 01 năm 2021 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 31 Luật Hòa giải, đối thoại năm 2020. Nội dung hòa giải thành giữa ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M đã nêu ở phần trên.

Xét thấy:

- Các bên tham gia hòa giải tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ việc; nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Kết quả hòa giải thành giữa các đương sự thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại năm 2020.

- Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Do đó, xét có cơ sở để Tòa án ban hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành.

[3] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Phạm Quốc T tự nguyện chịu toàn bộ nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39, các Điều 144, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 2, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thiên N, sinh ngày 30/3/2009 cho bà Nguyễn Thị Trà M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Phạm Quốc T có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Phạm Thiên N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ông Phạm Quốc T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Nguyễn Thị Trà M và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị Trà M không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Quốc T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0054238 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hoàng An